

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-5-2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trinh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Tuất;

Bà Đào Thị Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2022 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 914/33, khu phố 7, TL 10, phường T, quận B, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa;

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Kim Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 2, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:***

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và ông Nguyễn Kim Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 08/3/2011. Thời

gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được; nguyên nhân là do ông Q cờ bạc, không chăm lo cho vợ con. Bà đã nhiều lần cho ông Q cơ hội nhưng ông Q vẫn không thay đổi nên bà và ông Q đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Kim Q.

+ Về con chung: Bà và ông Nguyễn Kim Q có 01 con chung là Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 01/11/2011. Hiện nay, cháu Đ đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do đó, sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu Đ cho bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm thời, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 09/5/2022 bị đơn ông Nguyễn Kim Q trình bày:* Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N đồng thời đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án;

- *Phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; về nợ chung: Đương sự trình bày không có. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

1.1 Bà Lê Thị Kim N khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, ông Nguyễn Kim Q có nơi cư trú tại tổ 2, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đ nên xác định bà Lê Thị Kim N là nguyên đơn, ông Nguyễn Kim Q là bị đơn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Lê Thị Kim N và bị đơn ông Nguyễn Kim Q có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Q.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Kim Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 08/3/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày; Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q cờ bạc, không chăm lo cho vợ con. Bà đã nhiều lần cho ông Q cơ hội nhưng ông Q vẫn không thay đổi nên bà và ông Q đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Kim Q.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q cũng có ý kiến đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N; Hiện, ông Q và bà N sống ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ để tiếp tục xây dựng cuộc sống chung vợ chồng; Hôn nhân của bà N, ông Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N, ông Q được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà N, ông Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 01/11/2011. Từ trước đến nay, cháu Đ do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022, cháu Nguyễn Lê Minh Đ có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng; ông Q cũng đồng ý giao cháu Đ cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Xét yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, nguyện vọng của con chung và sự cần thiết của việc đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con

chung là cháu Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời ông Nguyễn Kim Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N với bị đơn ông Nguyễn Kim Q về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Kim Q.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời ông Quang không phải cấp dưỡng nuôi con;

Ông Nguyễn Kim Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng

như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Ngọc đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000626 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Lê Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

4. *Thi hành bản án của Tòa án*: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- UBND P. Thành Công, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (số: 38 ngày 08/3/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Dương Thị Thùy Trinh**